

MINI TEST

Date: April 08th, 2025

Time: 15 minutes

Full name: _____

Class : _____

Score: / 20

Bài 1. Hoàn thành bảng từ vựng sau:

Words		Meaning
1.	v	xuất khẩu
2. investigate	v	
3. protective	adj	
4.	n	thuộc địa
5. transform	v	
6. infect	v	
7. respond	v	
8.	n	sự sản xuất
9. treat	v	
10.	n	nấm
11. coating	n	
12. measure	n	

Bài 2. Điền các từ vựng ở Bài 1 vào các chỗ trống phù hợp, chia danh từ và động từ nếu cần:

1. He asked her what the time was, but she didn't _____.
2. Scientists are still looking for better ways to _____ the disease.
3. _____ of coffee became difficult because of the rust.
4. People who work with furnaces in a steel factory need to wear _____ clothing.
5. Malaria is a serious tropical disease spread by mosquitoes. A single mosquito bite is all it takes for someone to become _____.
6. Ceylon was a British _____ where coffee was widely grown.
7. The local government is introducing tougher _____ to preserve historical sites.
8. Vietnam _____ coffee to many countries around the world and remains the second-largest coffee exporter after Brazil.

POCE
HỌC GIỎI - NÓI HAY